|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHOA THỦY SẢN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Nuôi trồng thủy sản**

**1. Thông tin chung về học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| ***1.1. Mã học phần:*** |  |
| ***1.2. Tên học phần:*** | Sử dụng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản |
| ***1.3. Tên tiếng Anh:*** | Aquatic Resource Protection |
| ***1.4. Số tín chỉ:*** | 2 LT |
| ***1.5. Phân bố thời gian*** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 |
| - Thực hành: | 0 |
| - Tự học: | 60 |
| ***1.6. Quản lí, phụ trách học phần*** |  |
| - Khoa quản lí học phần: | Khoa Thủy sản |
| - Giảng viên phụ trách chính: | TS. Lê Thị Như Phương |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | TS. Vũ Thị Thanh Hương  Th.S. Ngô Thị Hoản |
| ***1.7. Điều kiện tham gia học phần*** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Sinh học đại cương |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu học phần**

***2.1. Mục tiêu chung***

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có kiến thức cơ bản về tình hình khai thác và nuôi trồng thủy sản, có kiến thức cơ bản về nguồn lợi thủy sinh vật, các yếu tố ảnh hưởng, phương pháp đánh giá, biện pháp bảo vệ và tái tạo nguồn lợi, định hướng khai thác hợp lý và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sinh vật.

***2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)***

*2.2.1. Về kiến thức*

- CO 1: Có kiến thức về mối liên quan giữa các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản để phát triển và quản lý nguồn lợi thủy sản;

- CO 2: Có kiến thức về các chỉ số đánh giá hiện trạng nguồn lợi thủy sản; mối liên hệ giữa điều kiện tự nhiên, các hệ sinh thái để phát triển và quản lý nguồn lợi thủy sản;

- CO 3: Có kiến thức về hiện trạng sử dụng mặt nước và giống loài nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam

- CO 4: Có kiến thức về các nguyên nhân ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản;

*2.2.2. Về kỹ năng*

-CO 5: Có kỹ năng sử dụng các phương pháp để đánh giá nguồn lợi thủy sản.

*2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- CO 6: Đưa ra được các giải pháp khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản.

**3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần**

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

| **Ký hiệu** | **Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)** | **Hỗ trợ cho**  **mục tiêu** |
| --- | --- | --- |
| CLO1 | Vận dụng được mối liên quan giữa các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản để phát triển và quản lý nguồn lợi thủy sản; | CO 1 |
| CLO 2 | Xác định được các chỉ số đánh giá hiện trạng nguồn lợi thủy sản; mối liên hệ giữa điều kiện tự nhiên, các hệ sinh thái để phát triển và quản lý nguồn lợi thủy sản; | CO 2  CO 5 |
| CLO 3 | Xác định được các tiêu chí phát triển nguồn lợi thủy sản bền vững; | CO 3 |
| CLO 4 | Xác định được các nguyên nhân ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản; các giải pháp khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản. | CO 4  CO 6 |

**4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A[[1]](#footnote-1) cụ thể như sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO**

| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLO 1 |  | I |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO 2 |  | I |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CL O 3 |  | I |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO 4 |  | I |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| Tổng hợp học phần |  | I |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |

**5. Học liệu[[2]](#endnote-1)**

***5.1. Giáo trình***

[1]. Vũ Trung Tạng, 2006. Khai thác và sử dụng bền vững đa dạng sinh học thủy sinh vật và Nguồn lợi thủy sản Việt Nam. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

***5.2. Tài liệu tham khảo***

[2] Cục Khai thác & BVNLTS (2008), *Quản lý nghề cá,* Dự án Hợp phần tăng cường quản lý khai thác thủy sản SCAFI/FSPS II, bản dịch tiếng Việt, NXb Nông Nghiệp, Hà Nội 2008.

[3] FAO (2016), The State of world fisheries and aquaculture, Rome, FAO

**6. Cấu trúc học phần**

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;

- Tổng số tuần học: 15 tuần;

- Phân bố: 2 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 02 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 01 bài

**7. Kế hoạch dạy học**

**Bảng 3. Kế hoạch dạy học**

| **Tuần** | **Nội dung dạy học** | **Số tiết** | **CĐR**  **của bài học** | **Hướng tới**  **CLOs** | **Hoạt động**  **dạy - học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1 - 3 | \*Mở đầu  Chương 1. VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỢI THỦY SẢN  1.1. Tình hình khai thác và sử dụng thủy sản thế giới và Việt Nam.  1.1.1. Khái niệm về nguồn lợi thủy sản  1.1.2. Tình hình khai thác và nuôi trồng thủy sản trên thế giới  1.1.3. Tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi thủy sản ở nước ta  1.2. Quản lý nghề cá.  1.3. Thống kê thủy sản.  1.4. Các phương pháp đánh giá nguồn lợi thủy sản  1.5. Tình hình nghiên cứu nguồn lợi thủy sản ở Việt Nam | 6 | - Trình bày được khái niệm về nguồn lợi thủy sản.  - Nêu được tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi thủy sản trên thế giới và ở Việt Nam  - Trình bày được một số văn bản liên quan đến quản lý nghề cá và một số số liệu thống kê trong thủy sản  - Nêu được các phương pháp sử dụng đánh giá nguồn lợi thủy sản  - Trình bày khái quát được tình hình nghiên cứu nguồn lợi thủy sản ở Việt Nam | CLO 1 | - GV thuyết giảng, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc Chương (C) 1;  - SV thực hiện các nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của GV;  - GV chốt kiến thức;  - SV nhận bài tập về nhà (BTVN), bao gồm bài tập ôn kiến thức C.1 và bài tập, nhiệm vụ nghiên cứu chuẩn bị cho C.2 |
| 4 - 7 | Chương 2. NGUỒN LỢI THỦY SẢN VÀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN CHO SỰ PHÁT TRIỂN NGHỀ CÁ NỘI ĐỊA  2.1. Đặc điểm tự nhiên các thủy vực nội địa (sông suối, ao hồ, ruộng trũng, kênh rạch, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo, …)  2.2. Phân bố nguồn lợi thủy sản theo các loại hình thủy vực nội địa  2.3. Hiện trạng nguồn lợi thủy sản nội địa  2.3.1. Hiện trạng nguồn lợi cá  2.3.2. Hiện trạng nguồn lợi giáp xác  2.3.3. Hiện trạng nguồn lợi thân mềm  2.3.4. Hiện trạng nguồn lợi thủy sản khác  2.4. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản nội địa  2.4.1. Sản lượng khai thác nội địa  2.4.2. Sản lượng nuôi trồng thủy sản nội địa | 8 | Trình bày được đặc điểm tự nhiên của các thủy vực nội địa như sông suối, ao hồ, ruộng trũng, kênh rạch, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo,…  Nêu được sự phân bố nguồn lợi thủy sản trong các thủy vực nội địa  Trình bày được hiện trạng nguồn lợi thủy sản nội địa  Nêu được sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản nội địa trong các giai đoạn khác nhau. | CLO 2 | - SV báo cáo kết quả thực hiện BTVN, phần ôn tập kiến thức C.1;  - GV, SV thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần ôn tập kiến thức C.1;  - GV thuyết giảng nội dung C.2, tổ chức cho SV báo cáo kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu C.2, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc C.2;  - GV chốt kiến thức C.2;  - SV nhận BTVN, bao gồm bài tập ôn kiến thức C.2 và bài tập, nhiệm vụ nghiên cứu chuẩn bị cho C.3. Chuẩn bị nội dung cho bài kiểm tra số 1. |
| 7 | Kiểm tra 1 tiết | 1 |  |  |  |
| 8 – 10 | Chương 3. NGUỒN LỢI THỦY SẢN VÀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN CHO SỰ PHÁT TRIỂN NGHỀ CÁ BIỂN  3.1. Đặc trưng về điều kiện tự nhiên của thềm lục địa Việt Nam  3.2. Cấu trúc về thành phần loài và nguồn lợi sinh vật  3.3. Hiện trạng nguồn lợi hải sản  3.3.1. Hiện trạng nguồn lợi cá biển  3.3.2. Hiện trạng nguồn lợi giáp xác  3.3.3. Hiện trạng nguồn lợi thân mềm  3.3.4. Hiện trạng nguồn lợi thủy sản khác  3.4. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản lợ và mặn  3.4.1. Sản lượng khai thác  3.4.2. Sản lượng nuôi trồng | 6 | - Nêu được những đặc trưng về điều kiện tự nhiên của thềm lục địa Việt Nam  - Trình bày được khái quát về cấu trúc thành phần loài sinh vật biển  - Nêu được hiện trạng nguồn lợi hải sản ở Việt Nam  - Trình bày được sản lượng khai thác, nuôi trồng hải sản | CLO 2  CLO 3 | - - SV báo cáo kết quả thực hiện BTVN, phần ôn tập kiến thức C.2;  - GV, SV thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần ôn tập kiến thức C.2;  - GV thuyết giảng nội dung C.3, tổ chức cho SV báo cáo kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu C.3, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc C.3;  - GV chốt kiến thức C.3;  - SV nhận BTVN, bao gồm bài tập ôn kiến thức C.3 và bài tập, nhiệm vụ nghiên cứu chuẩn bị cho C.4, |
| 11 - 15 | CHƯƠNG 4. KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG NGUỒN LỢI THỦY SẢN  4.1. Khái niệm và các tiêu chí phát triển bền vững.  4.1.1. Khái niệm phát triển bền vững  4.1.2. Các tiêu chí phát triển bền vững  4.2. Những nguyên nhân ảnh hưởng đến môi trường sống và nguồn lợi thủy sản.  4.3. Các giải pháp khai thác hợp lý và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản.  4.3.1. Các nhóm giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường nước  4.3.2. Các nhóm giải pháp quản lý nguồn lợi | 10 | Trình bày được khái niệm, nêu được các tiêu chí phát triển bền vững  Nêu được nguyên nhân ảnh hưởng tới nguồn lợi thủy sản  Nêu được các giải pháp khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản | CLO 3 | - SV báo cáo kết quả thực hiện BTVN, phần ôn tập kiến thức C.3;  - GV, SV thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần ôn tập kiến thức C.3;  - GV thuyết giảng nội dung C.4, tổ chức cho SV báo cáo kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu C.4, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc C.4;  - GV chốt kiến thức C.4;  - SV nhận BTVN, bao gồm bài tập ôn kiến thức C.4 |
| 15 | Kiểm tra 1 tiết | 1 |  |  |  |

(\*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

**8. Đánh giá học phần**

***8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá***

**Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá**

| **Thành phần, tên bài đánh giá (\*)** | **Trọng số** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số**  **con** | **Rubric**  **(đánh dấu x nếu có)** | **Hướng tới**  **đánh giá CLOs** | **Cách thức đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1  Đánh giá chuyên cần | 10% | - Ý thức tham gia học tập trên lớp;  - Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập |  | x |  | Theo dõi, đánh giá thực tế trong cả quá trình dạy học. |
| A2  Đánh giá định kỳ | 30% | A2.1. Mối liên quan giữa các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản để phát triển và quản lý nguồn lợi thủy sản;  Xác định được các tiêu chí phát triển nguồn lợi thủy sản bền vững; | 50% | x | CLO 1  CLO 2 | Hình thức: Tự luận  Kiểm tra 1 tiết vào tuần thứ 7. |
|  |  | A2.2. Xác định được các nguyên nhân ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản; các giải pháp khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản. | 50% | x | CLO 3 | Hình thức: Tự luận  Kiểm tra 1 tiết vào tuần thứ 15. |
| A3  Đánh giá cuối kỳ | 60% | Tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi thủy sản tại Việt Nam  Hiện trạng nguồn lợi thủy hải sản Việt Nam  Nguyên nhân ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản, các giải pháp khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản. | 100% | x | CLO 1  CLO 2  CLO 3 | Thi tự luận |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

***8.2. Tiêu chí đánh giá***

*8.2.1. Đánh giá chuyên cần*

**Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm** | **Nội dung, tiêu chí đánh giá** | | |
| **Dự lớp**  **(30%)** | **Ý thức học trên lớp**  **(30%)** | **Ý thức tự học**  **(40%)** |
| 4 | - | - | Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu. |
| 3 | Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp. | Tích cực luyện tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi. | Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao. |
| 2 | Dự đủ, đúng giờ >= 90% số tiết trên lớp | Có ý thức luyện tập, trao đổi, thảo luận. | Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao. |
| 1 | Dự đủ, đúng giờ >= 80% số tiết trên lớp | Học tập thụ động | Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao. |
| 0 | Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp  \* Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần | Thái độ học tập không tích cực | Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao. |

*8.2.2. Kiểm tra định kỳ*

*a. Bài kiểm tra định kỳ số 1*

- Nội dung: chương 1, chương 2

- Hình thức: tự luận

- Thời gian: 50 phút

**Bảng 6. 1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì**

| **STT** | **Nội dung** | **Tiêu chí đánh giá** |  | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi thủy sản tại Việt Nam | Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng; có thể trình bày theo cách khác nhưng đúng vẫn cho điểm tối đa | | 4 |
| 2 | Các phương pháp đánh giá nguồn lợi thủy sản | Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng; có thể trình bày theo cách khác nhưng đúng vẫn cho điểm tối đa | | 3 |
| 3 | Đặc điểm tự nhiên các thủy vực nội địa | Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng; có thể trình bày theo cách khác nhưng đúng vẫn cho điểm tối đa | | 3 |
| **Tổng điểm** | | | | **10** |

*a. Bài kiểm tra định kỳ số 2*

- Nội dung: Chương 3, chương 4

- Hình thức: Báo cáo

- Thời gian: 45 phút

**Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2**

| **Điểm** | **Trình bày**  **(30%)** | **Bản báo cáo**  **(30%)** | **Trả lời**  **(30%)** | **Trình chiếu**  **(10%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 3 | Trình bày đủ 100% nội dung; phong thái tự tin, thuyết phục; có sử dụng giao tiếp bằng mắt, ngôn ngữ cơ thể. | Giải quyết được 100% yêu cầu nhiệm vụ; các thông tin đảm bảo tính chính xác; trình bày đúng thể thức văn bản, văn phong khoa học, diễn đạt mạch lạc. | Trả lời được 100% câu hỏi của GV chấm thi; Trả lời lưu loát, tự tin, thể hiện sự nắm vững kiến thức bài học. | - |
| 2 | Trình bày đủ ý nhưng phong thái thể hiện còn hạn chế. | Giải quyết được > 80% yêu cầu nhiệm vụ; các thông tin đảm bảo tính chính xác; trình bày đúng thể thức văn bản. | Trả lời được > 80% câu hỏi của GV chấm thi. | - |
| 1 | Trình bày còn thiếu một số ý nhưng đạt >50% nội dung. | Giải quyết được > 50% yêu cầu nhiệm vụ; các thông tin đảm bảo tính chính xác; có một số hạn chế về trình bày báo cáo. | Trả lời được > 50% câu hỏi của GV chấm thi | Trình chiếu khoa học, rõ ràng, hỗ trợ hiệu quả cho phần thuyết trình. |
| 0 | Không trình bày được nội dung | Giải quyết được < 50% yêu cầu nhiệm vụ. | Trả lời được < 50% câu hỏi của GV chấm thi | Không có bản trình chiếu |

*8.2.3. Thi kết thúc học phần*

- Nội dung: Chương 1, chương 2, chương 3, chương 4

- Hình thức: Thi viết

- Thời gian: 60 phút

**Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần**

| **STT** | **Nội dung** | **Tiêu chí đánh giá** |  | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi thủy sản tại Việt Nam | - Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng; có thể trình bày theo cách khác nhưng đúng vẫn cho điểm tối đa. | | 3 |
| 2 | Hiện trạng nguồn lợi thủy hải sản Việt Nam | - Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng; có thể trình bày theo cách khác nhưng đúng vẫn cho điểm tối đa. | | 3 |
| 3 | Nguyên nhân ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản, các giải pháp khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản. | - Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng; có thể trình bày theo cách khác nhưng đúng vẫn cho điểm tối đa.. | | 4 |
| **Tổng điểm** | | | | **10** |

*Quảng Ninh, ngày….tháng….năm…..*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hiệu trưởng** | **Trưởng khoa** |  | **Người biên soạn**  **Lê Thị Như Phương** |

1. I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu; R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO vàở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu; A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT. [↑](#footnote-ref-1)
2. Học liệu có thể là học liệu tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài, ghi theo trật tự: Tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, nhà xuất bản, nơi xuất bản]. [↑](#endnote-ref-1)